TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/3/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Bà Đặng Thị Mỹ Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 757/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 3/42, khóm Thời Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T**,** sinh năm 1985;

Địa chỉ: 3/42, khóm Thời Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T do quen biết trước đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên vào ngày 16/01/2009, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính tình không phù hợp nên mâu thuẫn gia đình kéo dài. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/11/2011. Hiện nay 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T. Về con chung: Chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/11/2011 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên nên chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ L với anh Nguyễn Ngọc T là hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 16/01/2009 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Sau khi xem xét ý kiến của của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng chị L, anh T có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian này cả hai chỉ lo cho cuộc sống cá nhân không tạo điều kiền cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng chị L, anh T không thể hàn gắn được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc chị L xin ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/11/2011. Hiện các con đang sống với chị L, khi ly hôn chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân, một mình chị L nuôi dưỡng hai con chung và hiện nay các cháu vẫn phát triển bình thường về tâm sinh lý, hơn nữa nguyện vọng của các con đều muốn tiếp tục sống chung với chị L. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như môi trường học tập của các cháu nên việc chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được xem xét chấp nhận. Bên cạnh được quyền nuôi con thì chị L cùng các thành viên gia đình chị L không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 26/10/2009 và cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/11/2011 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L cùng các thành viên gia đình của chị L không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005853 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Ngọc Tn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Bình Khánh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền